



zhú zi

竹子

Noun · bamboo

Example Sentences

zhè shì zhú zi

这是竹子。

This is bamboo.

nǐ què dìng zhè zhǒng jiā jù shì yòng zhēn zhèng de zhú zi zhì zuò de ma

你确定这种家具是用真正的竹子制作的吗？

Are you sure this kind of furniture is made from real bamboo?

xióng māo xǐ huān chī zhú zi

熊猫喜欢吃竹子。

Pandas like to eat bamboo.

Trace each character, then write the word on your own.

竹 竹 竹 竹 竹 竹 竹 竹 竹

子 子 子 子 子 子